

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2017/ST-DS**

Ngày: 13/11/2017

Về tranh chấp: "*Yêu cầu tuyên bố
di chúc không hợp pháp, chia di
sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng
tặng cho tài sản*"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Lê Văn Trung**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Nguyễn Kim Phụng**

Bà Trần Xuân Đạm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hồ Thị Oanh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước .

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mai** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/11/2017, 07 đến 13/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2017/TLST-DS ngày 17/10/2011 về tranh chấp "*Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp, chia di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐST-DS ngày 20/9/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐ-HPT ngày 17/10/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1943

Địa chỉ: Thôn Lạt Hà, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:

1. **Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tường Thụy 2, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

2. **Ông Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lạt Hà, xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

* *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Kim Ph**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim Ph, chị Nguyễn Thị Yến L có
chị Nguyễn Thị Mỹ Anh, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, T. Bình Phước

Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: 112/7/5, Đ. Đinh Tiên Hoàng, P. 1, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: 112/7/3, Đ. Đinh Tiên Hoàng, P. 1, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V,
bà Nguyễn Thị Thanh M có **Bà Võ Thị Mỹ D**, sinh năm 1960 (có mặt), Địa chỉ:
A11/4A, đường 385, Kp 2, P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, Tp.HCM

Ông Lê Quang Th, sinh năm 1956 (có mặt)

Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1959 (có mặt)

Bà Phạm Thị B, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 (có mặt)

Ông Trần Vũ M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Ông Lê Thành Tr, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, T. Bình Phước

UBND huyện LN

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Văn V** – Trưởng Phòng tư pháp
huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo các đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, các bản
tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L,
người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Văn Kh,
Nguyễn Văn M trình bày:*

*1. Về mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L – ông Nguyễn Đình C, thân nhân
của ông Nguyễn Đình C:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C (tên gọi khác: Nguyễn Văn C,
Thanh Hà) tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 20/3/1965. Tại thời điểm đó, ông
Nguyễn Đình C là cán bộ Phòng giáo dục đào tạo huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Ninh cũ, còn bà Nguyễn Thị L là giáo viên Trường Thành Công thuộc xã Thành
Công (nay là xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam). Việc kết hôn được
thực hiện theo phong tục tập quán, đồng thời có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UB hành chính xã Thành Công (nay là xã Trác Văn), do ông Nguyễn Hồng Lộc - Ủy viên văn phòng, kiêm Ủy viên Tư pháp ủy ban hành chính xã Thành Công thực hiện, sau đó có cấp cho ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận kết hôn trong cùng ngày 20/3/1965. Việc đăng ký kết hôn này đã được ông Nguyễn Hồng Lộc xác nhận.

Sau khi kết hôn, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị L tiếp tục công tác giáo dục tại địa phương. Đến khoảng tháng 6/1965, ông Nguyễn Đình C được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam (thường được gọi là chiến trường B), còn bà Nguyễn Thị L vẫn tiếp tục công tác tại Trường cấp 1 Thành Công. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị L mang thai người con thứ nhất, đến năm 1966, bà Nguyễn Thị L sinh được người con đầu tên là Nguyễn Thị L, nhưng chị Nguyễn Thị L đã mất do bị bệnh nặng vào năm 1966.

Sau khi giải phóng, ông Nguyễn Đình C về tại địa phương thăm gia đình, bà Nguyễn Thị L mang thai người con thứ hai tên là Nguyễn Thị H, sau khi sinh được 24 tháng thì phát hiện chị Hòa bị bại não do ảnh hưởng của chất độc da cam khi ông Nguyễn Đình C chiến đấu tại chiến trường miền Nam. Sau khi mang thai chị Nguyễn Thị H thì ông Nguyễn Đình C được điều động công tác tại tỉnh Sông Bé, bà Nguyễn Thị L ở nhà tiếp tục chăm con và công tác tại địa phương. Đến ngày 24/5/1991 thì chị Nguyễn Thị H qua đời. Chị Nguyễn Thị H không được hưởng chế độ chính sách gì đối với người bị nhiễm chất độc da cam/điôxin.

Hiện nay, giấy chứng nhận kết hôn của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C, giấy khai sinh, khai tử của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H đều không còn do thiên tai, địch họa.

Thân nhân của ông Nguyễn Đình C có cha là ông Nguyễn Văn Thu, chết trước khi ông Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị L kết hôn; mẹ là Lê Thị Ch (không nhớ năm sinh), chết ngày 09/11/1969; vợ là bà Nguyễn Thị L cùng hai con Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H (đều đã chết); anh trai là ông Nguyễn Văn B (không nhớ năm sinh) nhưng bị tàn tật, bị bệnh động kinh, không vợ con do bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng từ khi kết hôn đến khi ông Bút chết ngày 17/12/1991; em trai là Nguyễn Văn S (đã chết 1978, hiện nay có 03 người con là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Ph hiện cư ngụ tại địa phương, Nguyễn Văn D hiện sinh sống, thờ phụng ông Nguyễn Đình C tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước); em trai là Nguyễn Văn M (liệt sỹ, có con trai là Nguyễn Văn H, con gái Nguyễn Thị M hiện cư trú tại địa phương).

2. Về yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu khởi kiện thứ nhất: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2005 là vô hiệu toàn bộ, đề nghị Tòa án hủy bỏ di chúc này. Lý do:

+ Khi lập di chúc ông Nguyễn Đình C định đoạt luôn phần tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh M;

+ Khi lập di chúc, ông Nguyễn Đình C không xem xét đến công sức của bà Nguyễn Thị L trong gần 50 năm nuôi dưỡng mẹ chồng, nuôi dưỡng chăm sóc con và anh chồng tàn tật, thay ông Nguyễn Đình C thực hiện nghĩa vụ thờ phụng cha mẹ anh và con sau khi họ chết; hiện nay bà Nguyễn Thị L là vợ chính thức của ông Nguyễn Đình C, tài sản được tạo lập giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C được ghi trong bản di chúc nói trên thì phần của ông Nguyễn Đình C cũng có một phần là của bà Nguyễn Thị L (cụ thể: bà Nguyễn Thị L quán xuyên mọi nghĩa vụ của ông Nguyễn Đình C để ông Nguyễn Đình C yên lòng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, công hiến xây dựng đất nước sau chiến tranh, sau khi đất nước hòa bình lẽ ra ông Nguyễn Đình C phải về sống cùng bà Nguyễn Thị L, sum họp, đoàn tụ vợ chồng, chăm sóc yêu thương nhau theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Đình C không làm vậy, có tài sản lại định đoạt cho người khác không xem xét đến công sức, hoàn cảnh mất sức lao động do sự khổ cực như bà đã trình bày ở trên).

- Yêu cầu khởi kiện thứ hai: Đề nghị Tòa án chia tất cả các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên các thửa đất:

+ Thửa đất có diện tích 20.556 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp 6 Lộc Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước (chứa không phải ấp 8A hay ấp 8 như bà Nguyễn Thị L đã trình bày vì do nhầm lẫn).

+ Thửa đất có diện tích 1.269 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà công trình trên đất; đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00022 ngày 31/12/2003 tại ấp 1A TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước (nay là Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước).

+ Thửa đất thửa đất có diện 3.939 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 tại ấp 3, xã Lộc Hưng, Lộc Ninh, Bình Phước.

Yêu cầu chia các tài sản trên làm 2 phần, một phần của ông Nguyễn Đình C, một phần của bà Nguyễn Thị Thanh M. Trong phần của ông Nguyễn Đình C thì bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia làm 02 phần, của ông Nguyễn Đình C một phần, của bà Nguyễn Thị L một phần (bà Nguyễn Thị L đề nghị chia bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất). Phần của ông Nguyễn Đình C

được chia làm 02 phần, bà Nguyễn Thị L một phần còn một phần chia cho chị Nguyễn Thị Yến L (con riêng ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Kim Ph).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L rút yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C.

*** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giảiBà Võ Thị Mỹ D là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M có yêu cầu độc lập trình bày:**

1. Về mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C; thân nhân bà Nguyễn Thị Thanh M:

Bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Cha mẹ, ông bà nội ngoại của bà Nguyễn Thị Thanh M đã chết trước bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh M không có con, hiện chỉ còn anh chị em ruột là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M. Ngoài ra không còn ai là người thân thích của bà Nguyễn Thị Thanh M. Trước khi chung sống với ông Nguyễn Đình C thì bà Nguyễn Thị Thanh M không có chồng, con.

Năm 2009, bà Nguyễn Thị Thanh M chết không để lại di chúc, bà Võ Thị Mỹ D đề nghị Tòa án xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 2 của bà Nguyễn Thị Thanh M.

2. Yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M.

Trong quá trình chung sống từ năm 1989 đến năm 2006, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M tạo dựng được các tài sản như lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Do bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Đình C không phải là vợ chồng hợp pháp nên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M có yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là vợ chính thức của ông Nguyễn Đình C; tuyên bố ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M không phải là vợ chồng.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình C (Nguyễn Văn C) lập năm 2005 là không hợp pháp và hủy bỏ một phần di chúc này.

- Ngoài ra, năm 2006 ông Nguyễn Đình C chết, bà Nguyễn Thị Thanh M có 02 sổ tiết kiệm với số tiền là 180.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh M và đề nghị Tòa án xác định đây là di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M, chia số tiền này cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M.

- Đề nghị Tòa án chia tất cả các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên các thửa đất nói trên thành 02 phần, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M nhận chung ½ di sản bằng hiện vật (tuyên bố bà ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M có quyền sở hữu chung di sản, không Nguyễn Đình Ca riêng lẻ từng người).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Quang Th trình bày:**

Năm 2003 ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M một phần diện tích đất khoảng 01 ha trong thửa đất 20.556 m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Khi cho đất, các bên không lập thành văn bản song có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn D (cháu ruột ông Nguyễn Đình C) và bà Nguyễn Thị Tứ (cháu họ bà Nguyễn Thị Thanh M, chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M năm 12 tuổi đến khi bà Nguyễn Thị Thanh M chết năm 2009) làm chứng. Khi cho đất, bà Nguyễn Thị Thanh M tự mình chỉ mốc ranh giới cùng với ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B (người thuê đất liền kề). Sau khi nhận đất, ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M tiến hành khai hoang rừng le, hố bom và tiến hành trồng điều trên đất. Năm 2005, ông Nguyễn Đình C bị bệnh, ông Nguyễn Đình C lập di chúc thì ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M không hề biết. Khi bà Nguyễn Thị Thanh M bị bệnh thì bà Nguyễn Thị Thanh M gọi ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đến nhà làm giấy tờ cho nhưng ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M thấy bà Nguyễn Thị Thanh M đang hấp hối nên không đồng ý làm. Sau khi bà Nguyễn Thị Thanh M chết, Bà Nguyễn Kim P là người biết rõ việc cho đất, đồng thời tiếp tục cho vợ chồng ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M tiếp tục sử dụng phần đất trên từ 2009 cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu xác định phần đất này là di sản thừa kế thì ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M không đồng ý. Ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M; đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

Tại phiên tòa, ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M xác định ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh M đã tặng cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M thửa đất trên nên không đề nghị xem xét định giá lại đối với tài sản trên đất.

Bà Hoàng Thị M đồng ý với lời trình bày của chồng là ông Lê Quang Th.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày:**

Vào năm 2003, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M thống nhất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B thuê đất và thu hoạch 503 nọc tiêu trên phân đất có diện tích khoảng hơn 01 ha tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, trả tiền thuê đất theo sản lượng hàng năm. Ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B sử dụng từ năm 2003 đến nay, trước khi ông Nguyễn Đình C bà Nguyễn Thị Thanh M chết thì tài sản trên đất còn tồn tại, cho thu hoạch hoa lợi hàng năm; sau năm 2009, do hạn hán, sâu bệnh, toàn bộ tiêu trên đất đã chết nên ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đã trồng lại toàn bộ tài sản trên đất. Nay những người thừa kế của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M có yêu cầu khởi kiện đề nghị xác định phần đất nói trên là di sản thừa kế thì ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đồng ý quyền sử dụng đất là di sản, còn tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B; nếu sau này ai được chia phần đất này thì ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B có nguyện vọng được nhận sang nhượng lại phần đất này để tiếp tục sử dụng quản lý tài sản trên đất. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T thì ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B không có yêu cầu độc lập gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc H không đề nghị xem xét định giá lại đối với tài sản trên đất hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng.

Bà Phạm Thị B thống nhất với lời trình bày của chồng, xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Vũ M trình bày:**

Ông Trần Vũ M là hàng xóm của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M. Khi ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M còn sống cho ông Trần Vũ M mượn một phần đất khoảng 200 m² đối diện Bến xe Lộc Ninh để buôn bán. Sau khi cho mượn thì ông Trần Vũ M xây dựng nhà tiền chế để phục vụ việc kinh doanh.

Khi ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M chết, Bà Nguyễn Kim P là người quản lý di sản tiếp tục cho ông Trần Vũ M mượn đất. Khi mượn đất, do chị Nguyễn Thị Yến L còn nhỏ, đi học và bà Nguyễn Kim Ph khó khăn thì tùy thuộc hàng tháng tình hình lợi nhuận nhiều hay ít ông Trần Vũ M cho chị Nguyễn Thị Yến L từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu chia tài sản thừa kế ông Trần Vũ M không có yêu cầu gì. Khi Tòa án phân chia phần đất hiện ông Mạnh đang mượn cho ai

được hưởng thì khi có yêu cầu người đó, ông Trần Vũ M đồng ý tự di dời để trả lại đất cho người được chia phần đất này nhưng phải cho thời hạn từ 03 tháng trở lên để tạo điều kiện cho ông Trần Vũ M ổn định việc kinh doanh; ông Trần Vũ M không yêu cầu người được chia đất bồi thường chi phí di dời. Do bận công việc, ông Trần Vũ M đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

1. Về quan hệ giữa ông Nguyễn Văn D với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Kim Ph, chị Nguyễn Thị Yến L. Thân nhân của ông Nguyễn Đình C; Quan hệ giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Kim Ph, chị Nguyễn Thị Yến L:

Ông Nguyễn Văn D là cháu ruột của ông Nguyễn Đình C. Ông Nguyễn Đình C có cha là ông Nguyễn Văn Thu, chết trước khi ông Nguyễn Văn D ra đời; mẹ là Lê Thị Ch (không nhớ năm sinh), chết ngày 09/11/1969; vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị L cùng hai con Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H (đã chết); anh trai là ông Nguyễn Văn B (không nhớ năm sinh) nhưng bị tàn tật, bị bệnh động kinh, không vợ con do bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng từ khi kết hôn đến khi ông Bút chết năm 1991; em trai là Nguyễn Văn S (đã chết 1978, hiện nay có 03 người con là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Ph hiện cư ngụ tại địa phương, Nguyễn Văn D (là ông Nguyễn Văn D) hiện sinh sống, thờ phụng ông Nguyễn Đình C tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước); em trai là Nguyễn Văn M (liệt sỹ, có con trai là Nguyễn Văn H, con gái Nguyễn Thị M hiện cư trú tại địa phương). Vợ thứ 2 là bà Nguyễn Thị Thanh M sống chung năm 1989, chết năm 2009; có con riêng với bà Nguyễn Kim Ph là chị Nguyễn Thị Yến L.

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị L thể hiện như sau: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C tìm hiểu và đi đến kết hôn khi ông Nguyễn Văn D chưa ra đời, sau khi kết hôn thì ông Nguyễn Đình C được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam (thường được gọi là chiến trường B), còn bà Nguyễn Thị L vẫn tiếp tục công tác tại Trường cấp 1 Thành Công. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình C có hai người con tên là Nguyễn Thị L (đã mất do bị bệnh nặng trong năm 1966), và Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 nhưng cũng bị bệnh bại liệt, không nhận thức được và đã chết năm 1991. Ngoài ra, trong thời gian ông Nguyễn Đình C đi bộ đội và công tác tại tỉnh Sông Bé thì bà Nguyễn Thị L ở nhà nuôi bác ruột của ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn B (anh trai của cha ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đình C). Ông Nguyễn Văn B là anh cả của ông Nguyễn Đình C, bị liệt toàn thân sống với mẹ, các em trai. Sau khi các em đi bộ đội thì ông Bút được bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chết năm 1991. Từ

khi kết hôn đến nay, bà Nguyễn Thị L nuôi con nuôi anh chồng và thờ phụng gia đình chồng cho đến nay.

Đến khoảng năm 1989, ông Nguyễn Đình C có báo anh em trong gia đình về việc cho ông Nguyễn Đình C được chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M để có người bầu bạn, thì được người thân trong gia đình và bà Nguyễn Thị L đồng ý. Do đó, ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M đã chung sống với nhau từ năm 1989 đến khi chết.

Đối với khối tài sản chung của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M và yêu cầu khởi kiện của các đương sự như trên, ông Nguyễn Văn D có ý kiến như sau:

- Trong thời gian chung sống đến khi chết, ông Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị Thanh M tạo dựng được như khối tài sản như lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và bà Võ Thị Mỹ D nêu trên.

- Đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn C định đoạt trong di chúc: Do ông Nguyễn Văn D chăm sóc ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M khi già yếu nên đã được ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M cho đất và đã sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Nguyễn Văn D không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn D đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L vì những hi sinh của bà Nguyễn Thị L từ khi kết hôn với ông Nguyễn Đình C đến nay cho gia đình bên chồng, chăm sóc gia đình chồng con để ông Nguyễn Đình C đi chiến đấu bảo vệ tổ quốc... lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về quan hệ hôn nhân, nhân thân....giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C là hoàn toàn đúng.

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V thì ông Nguyễn Văn D không có ý kiến gì.

- Đối với lời trình bày của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M: Trong thời gian sống chung, ông Nguyễn Văn D được nghe ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M nói trực tiếp tặng cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M 01 ha đất (phần đất hiện ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đang sử dụng). Ngoài ông Nguyễn Văn D còn có chị Nguyễn Thị Tứ (cháu của bà Nguyễn Thị Thanh M, ở chung với bà Nguyễn Thị Thanh M từ năm 12 tuổi đến khi bà Nguyễn Thị Thanh M chết) cũng chứng kiến việc trên. Năm 2003 thì ông Nguyễn Đình C bị bệnh nặng thì ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M ra thăm thì ông Nguyễn Đình C có nói là cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M một phần đất ở Lộc Hòa để ông Lê Quang Th, bà Nguyễn Thị Thanh M canh tác. Khi ông Nguyễn Đình C nói cho đất thì có mặt của bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh M biết và bà Nguyễn Thị Thanh M cũng đồng ý cho ông Lê Quang

Th, bà Hoàng Thị M phân đất đó. Ông Nguyễn Văn D cam đoan sự việc tặng cho là có thật đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tại văn bản số 587/UBND-NC ngày 23/6/2017, UBND huyện LN trình bày:***

Vào năm 2005, UBND huyện LN ủy quyền cho trưởng phòng Tư pháp là ông Vi Văn T ký chứng thực di chúc của ông Nguyễn Đình C; việc chứng thực di chúc là đúng trình tự pháp luật quy định tại Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000. Do vậy, UBND huyện LN đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với di chúc của ông Nguyễn Đình C theo quy định. Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện LN có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** *Người có quyền lợi,, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành Tr trình bày:***

Ông Lê Thành Tr là chồng của bà Nguyễn Kim Ph, hiện đang cư trú tại căn nhà do ông Nguyễn Đình C chết để lại để chăm sóc vợ, con. Sau này, khi có yêu cầu của người nhận được di sản thừa kế, ông Lê Thành Tr sẽ dọn ra nơi ở mới để trả nhà cho người được hưởng di sản. Do bận công việc, ông Lê Thành Tr xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** *Bị đơn là bà Nguyễn Kim Ph và bà Nguyễn Thị Mỹ Anh là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:***

Vào năm 1998, bà Nguyễn Kim Ph có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Đình C và sinh được 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Yến L. Đến khoảng năm 2000, bà Nguyễn Kim Ph cùng chị Nguyễn Thị Yến L về chung sống với ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M để chăm sóc cho ông Nguyễn Đình C bị bệnh. Năm 2006, ông Nguyễn Đình C chết, Bà Nguyễn Kim P, chị Nguyễn Thị Yến L tiếp tục chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M cho đến năm 2009 bà Nguyễn Thị Thanh M chết. Sau khi bà Nguyễn Thị Thanh M chết, bà Nguyễn Kim Ph tiếp tục sinh sống trong nhà bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Đình C đến nay. Nay bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M để lại, bà Nguyễn Kim Ph có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L vì bà Nguyễn Thị L không phải là vợ của ông Nguyễn Đình C; ông Nguyễn Đình C chỉ có một người vợ duy nhất là bà Nguyễn Thị Thanh M, mặc dù chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nhưng thời điểm chung sống là trước năm 1987 (là vợ chồng theo luật hôn nhân và gia đình hiện hành). Bà Nguyễn Thị L không có chứng cứ chứng minh mình là vợ ông Nguyễn Đình C nên đề nghị Tòa án bác

bỏ toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L như người đại diện theo ủy quyền đã trình bày trước đây.

2. *Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V:* Bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V. Mặc dù chị Nguyễn Thị Yên L không phải là con ruột của bà Nguyễn Thị Thanh M nhưng bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C là vợ chồng, chị Nguyễn Thị Yên L là con riêng của ông Nguyễn Đình C với bà Nguyễn Kim Ph; chị Nguyễn Thị Yên L được Bà Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Thanh M chăm sóc, nuôi dưỡng và coi chị Nguyễn Thị Yên L như con ruột của bà Nguyễn Thị Thanh M. Căn cứ theo luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì chị Nguyễn Thị Yên L là người được hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Thanh M, thuộc hàng thừa kế thừa nhất của bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C. Vì vậy, đề nghị Toà án công nhận chị Nguyễn Thị Yên L là con nuôi của bà Nguyễn Thị Thanh M và công nhận chị Nguyễn Thị Yên L là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh M; giao toàn bộ các tài sản tranh chấp trong vụ án (là ba mảnh đất cùng tài sản trên đất nói trên) cho Nguyễn Thị Yên L. Đối với 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng là di sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh M để lại nên cũng yêu cầu chia cho hàng thừa kế thứ nhất là Nguyễn Thị Yên L. Đồng thời đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V.

3. *Đối với yêu cầu độc lập và lời trình bày của bà Hoàng Thị M, ông Lê Quang Th:* Bà Nguyễn Kim Ph không đồng ý về lời trình bày và yêu cầu của ông Lê Quang Th và bà M vì không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M đã cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đất mà chỉ cho mượn. Ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M nói ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đất vào năm 2003 nhưng thực tế vào năm 2005, khi ông Nguyễn Đình C làm di chúc để lại tài sản cho chị Nguyễn Thị Yên L thì ông Nguyễn Đình C có để lại toàn bộ diện tích đất 20.556 m² tại ấp 6, xã Lộc Hòa cho chị Nguyễn Thị Yên L không hề nói đã cho bà M, ông Lê Quang Th. Mặc dù di chúc này không có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn thể hiện ý chí của ông Nguyễn Đình C khi còn sống, hoàn toàn đối lập với lời trình bày của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M. Bà Nguyễn Kim P công nhận tài sản trên đất ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M sử dụng là tài sản do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M tạo dựng nên. Bà Nguyễn Kim P đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

4. *Đối với yêu cầu và lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B:* Tài sản trên đất là do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang sử dụng là

do ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị B tạo dựng nên, sau này khi Tòa án giao phần đất này cho chị Nguyễn Thị Yên L thì chị Nguyễn Thị Yên L sẽ hỗ trợ giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như trình bày ở trên (thông qua lời trình bày của những người đại diện theo ủy quyền), bà Nguyễn Kim Ph, chị Nguyễn Thị Yên L có yêu cầu:

* Đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình C lập năm 2005 là không hợp pháp và hủy bỏ di chúc này;

* Đề nghị Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị L là vợ ông Nguyễn Đình C, công nhận chị Nguyễn Thị Yên L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M;

* Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia di sản thừa kế;

* Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V về việc đề nghị Tòa án tuyên ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M không phải là vợ chồng, yêu cầu chia di sản thừa kế.

* Bác yêu cầu của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M với ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

* Đề nghị Tòa án công nhận 03 mảnh đất và số tiền gốc 180.000.000 đồng (trong 02 sổ tiết kiệm cùng tiền lãi) là di sản của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M để lại; xác định chị Nguyễn Thị Yên L là người được quyền thừa kế toàn bộ các di sản này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về thủ tục tố tụng:

Đại diện VKND huyện Lộc Ninh xác định những người tiến hành tố tụng, đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

* Về nội dung:

Đại diện VKND huyện Lộc Ninh đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 122, 134, 137, 217, 221, 222, 223, 401, 652, 676, 679 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Nghị quyết số 35 năm 2000 của Quốc hội ngày 06/9/2000, Điều 129 Luật đất đai và Điều 244 BLTTDS 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Đình C cho bà Nguyễn Thị L; Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tiền thuê đất giữa ông Trần Vũ M và bà Nguyễn Kim Ph mỗi tháng 4.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

+ Công nhận bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình C; Hủy di chúc do vô hiệu toàn bộ di chúc.

+ Chia tài sản chung của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M như sau: Mỗi người được 1/2 tài sản chung gồm: 660,75 m² đất, tọa lạc tại KP Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh + 1.636,35 m² đất, tọa lạc tại ấp 9, xã Lộc Hưng + 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất; 10.776,25 m² đất, tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa.

+ Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C:

Bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Yên L, mỗi người được nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C gồm: 330,37 m² đất, tọa lạc tại KP Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh + 818,17 m² đất, tọa lạc tại ấp 9, xã Lộc Hưng + 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất; 5.388,12 m² đất, tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vân, bà Minh và ông Tú:

+ Không công nhận ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M là vợ chồng.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T được nhận toàn bộ di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thanh M gồm: Diện tích 660,75 m² đất, tọa lạc tại KP Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh + 1.636,35 m² đất, tọa lạc tại ấp 9, xã Lộc Hưng + 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất; 10.776,25 m² đất, tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa và 02 thẻ tiết kiệm của bà Nguyễn Thị Thanh M tại ngân hàng trị giá 180.000.000 đồng (chưa tính tiền lãi suất).

- Bác yêu cầu yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Thùy và bà Mơ: Không công nhận hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông Nguyễn Đình C với ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

*** Các nội dung đương sự thống nhất được:**

- Di sản chung ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M để lại là: Thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.556m², đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp 6 Lộc Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước (qua đo đạc lại thì thực tế thửa đất này có diện tích 21.552,5 m²) tọa lạc tại ấp 6 xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; Thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.269 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà công trình trên đất (sau khi tách sổ cho ông Nguyễn Văn D, đo đạc đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thực tế sử dụng là 1.321,5 m² đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 tọa lạc tại Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước); Thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.939 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 12/QSDD/BP ngày 01/01/1999 tại ấp 3, xã Lộc Hưng, Lộc Ninh, Bình Phước, sau khi đo đạc thực tế còn 3.272,7 m².

Các thửa đất trên từ khi bà Nguyễn Thị Thanh M chết thì do bà Nguyễn Kim Ph đang quản lý.

- Di sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh M để lại là 02 sổ tiết kiệm trị giá 180.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh

Các đương sự đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia di sản là các tài sản nói trên, không có yêu cầu thêm bất kỳ tài sản nào khác; thống nhất phần đất có diện tích 85,1 m² ông Nguyễn Văn D sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02715 ngày 08/6/2009 các đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét giải quyết;

- Tài sản trên thửa đất do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang sử dụng thì các bên thống nhất không có tranh chấp; hoa lợi, lợi tức trước đây ông Nguyễn Đình C bà Nguyễn Thị Thanh M thỏa thuận với ông Nguyễn Ngọc H bà Phạm Thị B các bên không yêu cầu xem xét giải quyết; Do di sản để lại là quyền sử dụng đất, các bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chi phí quản lý di sản.

*** Những nội dung đương sự không thỏa thuận được:**

Các đương sự không thống nhất về mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Đình C; mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Yên L với bà Nguyễn Thị Thanh M; không thống nhất được những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M; phương thức chia di sản thừa kế; Hợp đồng tặng cho hay mượn tài sản (là quyền sử dụng đất) giữa ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M với ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét mối quan hệ giữa ông Nguyễn Đình C với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Nguyễn Kim Ph; giữa chị Nguyễn Thị Yên L với bà Nguyễn Thị Thanh M.

1. Mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D xác định mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C là vợ chồng. Bà Nguyễn Kim Ph, chị Nguyễn Thị Yên L và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim Ph và chị Nguyễn Thị Yên L cho rằng giữa bà Nguyễn Thị L và

ông Nguyễn Đình C không phải là vợ chồng vì trong suốt quá trình chung sống, Bà Nguyễn Kim P không được ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M đề cập đến.

Xét thấy, ông Nguyễn Đình C (tên gọi khác là Nguyễn Văn C, Thanh Hà) trước năm 1965 cư trú tại xã Thành Công, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam). Ông Nguyễn Đình C có cha là cụ Nguyễn Văn Thu, mẹ là cụ Lê Thị Ch (hiện hai cụ đều đã chết); anh trai là ông Nguyễn Văn B (không nhớ năm sinh), chết ngày 17/12/1991; em trai là Nguyễn Văn S (đã chết 1978, hiện nay có 03 người con là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn D); em trai là Nguyễn Văn M (liệt sỹ, có con trai là Nguyễn Văn H, con gái Nguyễn Thị M).

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ, những người cháu ruột của ông Nguyễn Đình C (là các ông bà Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị M) đều xác định: Ông Nguyễn Đình C có vợ là bà Nguyễn Thị L (còn gọi là Nguyễn Thị Thanh Lượng), kết hôn năm 1965; có 02 người con là Nguyễn Thị L (sinh năm 1966, chết năm 1966), Nguyễn Thị H (sinh năm 1978, chết năm 1991). Năm 1965, ông Nguyễn Đình C được lệnh nhập ngũ, đi chiến đấu tại chiến trường miền Nam; bà Nguyễn Thị L ở nhà vừa dạy học, vừa chăm sóc anh trai chồng (ông Nguyễn Văn B), chăm sóc con (Nguyễn Thị H).

Những người làm chứng là đồng nghiệp, hàng xóm của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị L đều khẳng định: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình C có tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của bạn bè đồng nghiệp; có tổ chức đăng ký kết hôn (ông Nguyễn Hồng Lộc, nguyên Ủy viên văn phòng kiêm Trưởng ban tư pháp phụ trách việc kết hôn, hộ tịch xã Thành Công (cũ), là người trực tiếp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn, được thực hiện trong cùng ngày 20/3/1965).

Tại văn bản số 1094/BCH-PCT ngày 06/10/2015 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương cung cấp về hồ sơ lý lịch đảng viên ngày 10/01/1977 thì tại phần kê khai tên vợ ông Nguyễn Đình C là bà Nguyễn Thị L, quê quán tại xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh; nghề nghiệp: dạy học tại Trường phổ thông cấp 1 + 2 Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh; xây dựng gia đình với vợ là ngày 28/3/1965 tại Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh.

Như vậy, lời khai của những người thân thích, hàng xóm, đồng nghiệp và văn bản trả lời của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương (đơn vị trực tiếp quản lý khi ông Nguyễn Đình C còn tại ngũ) là phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L cho rằng bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Nguyễn Đình C; phù hợp về nhân thân của bà Nguyễn Thị L được chính quyền địa phương xác nhận.

Bà Nguyễn Thị L cho rằng việc kết hôn có đăng ký kết hôn song không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn; lời khai này của bà Nguyễn Thị L phù hợp với lời thừa nhận của ông Nguyễn Hồng L (nguyên Ủy viên văn phòng kiêm Trưởng ban tư pháp phụ trách việc kết hôn, hộ tịch xã Thành Công (cũ), UBND xã Trác Văn xác định ông Nguyễn Hồng L là Trưởng ban tư pháp thời kỳ năm 1966) khẳng định ông L là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị L.

Qua xác minh tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền thì chưa có cấp Tòa án nào giải quyết việc ly hôn giữa ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị L khẳng định chưa ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau từ tháng 3/1965, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, là vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1959.

2. Mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn T (là chị em ruột của bà Nguyễn Thị Thanh M) thì bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn; có phát sinh tài sản chung nhưng không có con chung. lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn D về việc năm 1989, ông Nguyễn Đình C có báo cho bà Nguyễn Thị L biết và xin phép bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Đình C chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M để có người chăm sóc. Như vậy, thời điểm bà Nguyễn Thị Thanh M chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Đình C xác định là năm 1989.

Như đã nhận định ở trên, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình C là vợ chồng, chưa ly hôn nhưng ông Nguyễn Đình C tiếp tục chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M như vợ chồng là vi phạm điều cấm của pháp luật (Điều 7 Luật hôn nhân gia đình năm 1986); Do bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, hiện nay ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M đã chết, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn T và giải quyết đúng đắn vụ việc cần tuyên bố ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M không phải là vợ chồng và giải quyết tài sản chung của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 4 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết về tài sản của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M theo yêu cầu của những người thừa kế.

Bà Nguyễn Kim Ph và người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Kim P cho rằng bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau năm 1987, là vợ chồng theo quy định của pháp luật là không có cơ sở.

3. Mọi quan hệ giữa bà Nguyễn Kim Ph và ông Nguyễn Đình C:

Năm 1998, bà Nguyễn Thị Phương và ông Nguyễn Đình C có quan hệ tình cảm, có phát sinh con chung (chị Nguyễn Thị Yên L) nhưng không phát sinh tài sản chung. Từ năm 2000, bà Nguyễn Kim Ph và chị Nguyễn Thị Yên L chung sống với ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M, được ông Nguyễn Đình C xác định là vợ kế. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, ông Nguyễn Đình C có vợ là bà Nguyễn Thị L nhưng lại chung sống với cả bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Kim Ph là vi phạm điều cấm của pháp luật (Điều 10 Luật hôn nhân gia đình năm 2000). Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn T và giải quyết đúng đắn vụ việc cần tuyên bố ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Kim Ph không phải là vợ chồng.

4. Mọi quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Yên L và bà Nguyễn Thị Thanh M:

Theo giấy khai sinh của chị Nguyễn Thị Yên L số 100, quyển số 01/2000 do UBND thị trấn Lộc Ninh cấp, sổ hộ khẩu gia đình của ông Nguyễn Đình C, lời khai của bà Nguyễn Kim Ph, lời trình bày của bà Nguyễn Thị L đều thể hiện ông Nguyễn Đình C là cha ruột của chị Nguyễn Thị Yên L.

Trong thời gian từ năm 2001 đến năm 2006, khi ông Nguyễn Đình C điều trị bệnh ở bệnh viện thì bà Nguyễn Kim Ph trực tiếp chăm sóc ông Nguyễn Đình C, còn chị Nguyễn Thị Yên L chung sống với bà Nguyễn Thị Thanh M; sau khi ông Nguyễn Đình C chết, Bà Nguyễn Kim P và bà Nguyễn Thị Thanh M cùng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chị Nguyễn Thị Yên L; bà Nguyễn Thị Thanh M xác định chị Nguyễn Thị Yên L là con, đứng tên mua bảo hiểm Frudential, ký vào phần nhận xét của phụ huynh học sinh ở các sổ liên lạc giữa nhà trường với gia đình của chị Nguyễn Thị Yên L.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D xác định trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2009, bà Nguyễn Kim Ph ở chung nhà với bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Đình C; chị Nguyễn Thị Yên L được chăm sóc và bao bọc tình cảm từ mẹ ruột là bà Nguyễn Kim Ph, cha ruột là ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M. Như vậy, có cơ sở khẳng định, chị Nguyễn Thị Yên L trưởng thành nhờ một phần công chăm sóc, nuôi dưỡng của bà Nguyễn Thị Thanh M.

Tuy nhiên, do khi còn sống, bà Nguyễn Thị Thanh M không làm thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Yên L là con nuôi của bà Nguyễn Thị Thanh M. Quá trình

giải quyết vụ án, bà Nguyễn Kim Ph xác định chị Nguyễn Thị Yên L là con nuôi của bà Nguyễn Thị Thanh M là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn T đề nghị tuyên bố di chúc ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2005 là không hợp pháp.

Ngày 07/10/2005, ông Nguyễn Đình C lập di chúc để định đoạt tài sản của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M với nội dung như sau:

1. Con gái là Nguyễn Thị Yên L được thừa kế: Thừa đất có diện tích 20.556 m² tọa lạc tại ấp 8, xã Lộc Hòa (nay thuộc ấp 6, xã Lộc Hòa); 01 căn nhà có diện tích 86 m²; 01 xe Honda, biển số: 93F2-4608, 01 máy điều hòa nhiệt độ, 01 ti vi, 01 đầu máy VCD và toàn bộ vật dụng có trong nhà như tủ, bàn, ghế, giường....

2. Vợ là bà Nguyễn Thị Thanh M được thừa kế: Thừa đất có diện tích 3.939 m² tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng (nay thuộc ấp 9, xã Lộc Hòa), trên đất có trồng cây xà cừ từ năm 1999 và 01 xe máy Chaly (không giấy chứng nhận đăng ký).

3. Bà Nguyễn Thị Kim Ph (vợ kế) được thừa kế: 01 mảnh đất rộng 5m kể từ đường ngõ vào cổng dài 12m, kể từ lộ giới vào đã xây một gian quán diện tích 4,6x10m nằm trên phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00022 ngày 31/12/2003 và 01 ti vi hiệu JVC.

4. Ông Nguyễn Văn D (cháu ruột) được nhận thừa kế: 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 47,25m² (4,6 m x 10,5m sát ranh với bà Phượng, căn nhà nằm trên phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00022 ngày 31/12/2003.

Theo di chúc thì bà Nguyễn Thị Thanh M là người bảo quản, quản lý tài sản đến khi chị Nguyễn Thị Yên L đủ tuổi trưởng thành thì giao đầy đủ tài sản cho chị Nguyễn Thị Yên L. Đến năm 2009, bà Nguyễn Thị Thanh M chết không để lại di chúc, bà Nguyễn Kim Ph là người quản lý tài sản trên. Di chúc trên được ông Vi Văn T, Trưởng phòng tư pháp, thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện LN ký chứng thực cùng ngày.

Trước đây và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Phượng và đại diện hợp pháp của đương sự đã đề nghị Tòa án tuyên di chúc nói trên không hợp pháp đối với phần định đoạt tài sản cho chị Nguyễn Thị Yên L, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Nguyễn Thị Phượng. Đối với phần di sản ông Nguyễn Đình C chia cho ông Nguyễn Văn D do đã được thực hiện, có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị Thanh M khi còn sống, UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02715 ngày 08/6/2009 cho ông Nguyễn Văn D nên các đương sự đề nghị giữ nguyên phần nội dung này.

Xét thấy, như đã phân tích ở trên, do bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C không phải là vợ chồng nên tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất. Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với việc sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung. Tuy nhiên, trong di chúc ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2015 thể hiện nội dung định đoạt toàn bộ khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C là vi phạm quy định tại Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, trong mảnh đất có diện tích 22.556 m² tọa lạc tại ấp 6 xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước thì ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M, ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B là người trực tiếp sử dụng đất, tạo dựng tài sản trên đất song nội dung di chúc giao toàn bộ mảnh đất này cho chị Nguyễn Thị Yên L mà không đề cập xử lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của những người này.

Do một phần nội dung di chúc của ông Nguyễn Đình C định đoạt tài sản chung mà không có sự đồng ý của đồng sở hữu chung, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người thứ ba, không tuân thủ điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định tại khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2005 là không hợp pháp, trừ phần 4 của di chúc định đoạt di sản cho ông Nguyễn Văn D được hưởng.

Do di chúc của ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2005 có một phần không hợp pháp, bà Nguyễn Thị Thanh M chết để lại di sản mà không lập di chúc nên cần xác định những người thừa kế theo pháp luật để chia di sản thừa kế theo quy định tại Điều 675, 676, 679 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xác định những người thừa kế theo pháp luật:

1. Xác định người có quyền hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C:

Như đã nhận định ở trên, do cha mẹ ruột của ông Nguyễn Đình C đã chết trước ông Nguyễn Đình C; bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Phượng không phải là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình C nên không có quyền hưởng di sản thừa kế di sản của ông Nguyễn Đình C; bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình C, chị Nguyễn Thị Yên L là con riêng của ông Nguyễn Đình C với bà Nguyễn Thị Phượng nên bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Yên L là những người có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Đình C, thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

2. Xác định người có quyền hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M:

**** Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh M:***

Quá trình thu thập chứng cứ xác định được cha mẹ của bà Nguyễn Thị Thanh M là ông Nguyễn Vỹ chết năm 2002, bà Lê Thị Mức chết năm 1957. Bà Nguyễn Thị Thanh M không có chồng hợp pháp, không có con ruột.

Bà Nguyễn Thị Phương và người đại diện hợp pháp của Bà Nguyễn Kim P, của chị Nguyễn Thị Yên L cho rằng: Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau trước năm 1987, mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng do sống chung trước năm 1987 nên được xác định là vợ chồng theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Yên L là con riêng của ông Nguyễn Đình C với bà Nguyễn Thị Phương; giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và chị Nguyễn Thị Yên L có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con nên xác định bà Nguyễn Thị Thanh M là mẹ kế của chị Nguyễn Thị Yên L và chị Nguyễn Thị Yên L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được quyền hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M.

Như đã nhận định ở trên, do bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C không được công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do vậy, chị Nguyễn Thị Yên L là con riêng của ông Nguyễn Đình C và Bà Nguyễn Kim P không làm phát sinh quan hệ con riêng của chồng (chị Nguyễn Thị Yên L) với mẹ kế (bà Nguyễn Thị Thanh M) theo quy định của pháp luật... Do đó, chị Nguyễn Thị Yên L không được phải người thừa kế theo pháp luật (hàng thừa kế thứ nhất) của bà Nguyễn Thị Thanh M, nên không thuộc trường hợp được hưởng quyền thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M theo quy định tại Điều 679 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó, có căn cứ xác định không có ai là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh M nên cần xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh M.

**** Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh M:***

Theo trình bày và cam kết của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V và người được ủy quyền xác định thân nhân của bà Nguyễn Thị Thanh M gồm có: Cha là ông Nguyễn Vỹ, sinh năm 1922, chết năm 200; mẹ là bà Lê Thị Mức, sinh năm 1923, chết năm 1957; không có con; chồng là Ông Nguyễn Đình C, chết năm 2006; Anh chị em ruột gồm có bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1951; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Ông bà nội là ông Nguyễn Tám (còn gọi là Nguyễn Văn Nho), bà Văn Thị Nở đã chết trước bà Nguyễn Thị Thanh M; ông bà ngoại: ông Lê Văn Phấn, bà Đoàn Thị Rở đã chết trước bà Nguyễn Thị Thanh M.

Mặc dù không cung cấp được giấy chứng tử của ông bà nội, ông bà ngoại, mẹ của bà Nguyễn Thị Thanh M, song chính quyền địa phương xác nhận hiện nay thân nhân của bà Nguyễn Thị Thanh M chỉ còn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V (là chị em ruột) nên xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh M.

[4]. Xét yêu cầu độc lập của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M với vợ chồng ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M:

Theo lời trình bày của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M và những người làm chứng bà Nguyễn Thị Tú, ông Hoàng Ngọc Huyền, ông Nguyễn Văn D thì năm 2003, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M có cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phần đất có diện tích khoảng 01 ha (qua đo đạc thực tế là 8.435,1 m²) trong phần đất có diện tích 20.556 m² (qua đo đạc thực tế là 21.552,5 m²) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDĐ/BP ngày 22/02/2000. Sau khi nhận đất, ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đã khai hoang và trồng điều, tiêu trên đất; đồng thời sử dụng ổn định từ năm 2003 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V đề nghị xác định phần đất 8.435,1 m² là di sản của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M và chia di sản thì ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho tài sản và công nhận cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Phượng thông qua người đại diện của mình đề nghị Tòa án xác định phần đất 8.435,1 m² là di sản của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M. Việc ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M sử dụng đất theo hình thức cho mượn để canh tác, phát triển kinh tế chứ không phải tặng cho tài sản.

Xét thấy, thửa đất có diện tích 8.435,1 m² nói trên các bên đương sự thống nhất do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M trên thực tế đang quản lý sử dụng, canh tác từ năm 2003 đến nay; tài tạo dựng nên khối tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Mặc dù ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M và những người làm chứng xác định ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M đã cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phần đất này song không có chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh M đã tặng cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phần đất này; mặt khác, tại mục 1 di chúc của ông Nguyễn Đình C

lập ngày 07/10/2005 (lập sau khi giao đất cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M sử dụng) có nội dung:

"... 1. Con gái tôi Nguyễn Thị Yến L được thừa kế: 01 giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 20.556 m², trên đất có 1.500 nọc tiêu, tọa lạc tại ấp 8, xã Lộc Hòa..."

Như vậy, mặc dù như nhận định ở trên, phần nội dung di chúc này là không hợp pháp nhưng thể hiện ý chí của ông Nguyễn Đình C khi còn sống xác định phần đất 20.556 m² (qua đo đạc thực tế là 21.552,5 m², trong đó có phần đất có diện tích 8.435,1 m²) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vẫn do ông Nguyễn Đình C sử dụng, chưa chuyển quyền cho ai nên lời trình bày của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thùy Mơ và những người làm chứng cho rằng ông Nguyễn Đình C bà Nguyễn Thị Thanh M đã tặng cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phần đất có diện tích 8.435,1m² là không có căn cứ. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Phượng và đại diện hợp pháp của những người này khẳng định ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M chỉ cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M mượn đất để canh tác là phù hợp với ý chí của ông Nguyễn Đình C khi còn sống được thể hiện trong nội dung di chúc lập ngày 07/10/2005. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thùy Mơ về việc đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho tài sản và công nhận cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng phần đất 8.435,1m², xét cần buộc ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thùy Mơ trả lại phần đất này để nhập vào khối di sản của ông Nguyễn Đình C, bà Hoàng Thị M để chia cho những người thừa kế là phù hợp. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên phần đất 8.435,1m² là tài sản hợp pháp của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thùy Mơ, cần buộc người nhận được di sản hoàn trả lại cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét hợp đồng thuê đất giữa ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M:

Trước đây và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V thông qua người đại diện của mình đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B trả lại phần đất có tổng diện tích 13.087,4 m² (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m² và 8.214,2 m²) trong phần đất 20.556 m² (qua đo đạc thực tế là 21.552,5 m², trong đó có phần đất có diện tích 8.214,2 m²) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước mà ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B thuê của ông Nguyễn Đình C năm 2003 nhập vào khối di sản để chia cho những người thừa kế theo quy định. Tài sản trên đất do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm

Thị B tạo dựng nên nên người được hưởng di sản sẽ hoàn trả lại theo giá trị đã được định giá.

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đồng ý trả lại phần diện tích đất nói trên để chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M; đồng thời yêu cầu người hưởng di sản phải hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B. Đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B phù hợp với yêu cầu của các đương sự nên cần ghi nhận.

[6]. Xác định khối di sản chung, riêng của ông Nguyễn Đình C, Nguyễn Thị Thanh M để lại và chia di sản thừa kế.

1. Xác định di sản:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất di sản chung của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M để lại là:

- Thừa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSĐĐ/BP ngày 22/02/2000 là 20.556m², tọa lạc tại ấp 6 Lộc Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước (qua đo đạc lại thì thực tế thửa đất này có diện tích 21.552,5 m²). Thửa đất này hiện do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M sử dụng là 8.435,1 m², ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B sử dụng là 13.087,4 m².

- Thừa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 là 1.321,5 m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà công trình trên đất, tọa lạc tại Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước).

- Thừa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSĐĐ/BP ngày 01/01/1999 là 3.939 m² (sau khi đo đạc thực tế còn 3.272,7 m²) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

Đối với số tiền tiết kiệm là 180.000.000 đồng (theo 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số NA 4147696 ngày 25/8/2008, NA 4608877 ngày 25/02/2009) đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh M và số tiền lãi phát sinh là 201.138.400 đồng từ 02 tài khoản tiết kiệm nêu trên tính đến ngày 13/11/2017, do bà Nguyễn Thị Thanh M gửi tiết kiệm sau khi ông Nguyễn Đình C chết nên được xác định là di sản bà Nguyễn Thị Thanh M để lại.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V thông qua người đại diện của mình đề nghị Tòa án chia các tài sản trên làm 02 phần, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M mỗi người ½ giá trị tài sản còn lại thực tế; đồng thời tiến hành chia bằng hiện vật theo di sản của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M cho những người có quyền hưởng di sản thừa kế là có cơ sở nên cần áp dụng Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005 về chia tài sản chung hợp nhất để xác định di sản

của ông Nguyễn Đình C để lại tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị trong khối tài sản chung; xác định di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M để lại tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị trong khối tài sản chung. Mặt khác, việc chia di sản thừa kế cần xem xét đến nguyện vọng, hoàn cảnh thực tế để đảm bảo ổn định cho những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng di sản.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V thông qua người đại diện của mình đề nghị khi xác định chia di sản không Nguyễn Đình Ca phân hành lang lộ giới, hành lang bảo vệ suối mà phần đất thuộc hành lang lộ giới, hành lang bảo vệ suối tiếp giáp đất của ai người đó được hưởng; chỉ xác định di sản để phân chia là quyền sử dụng đất, nhà ở; còn các tài sản như sân bê tông, cây trồng, chuồng trại, cây cảnh, sân bê tông, hàng rào (trừ phần tài sản do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M, ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B tạo dựng, sở hữu)... khi chia đất cho ai được hưởng thừa kế thì người đó sử dụng, không yêu cầu xem xét giải quyết các tài sản có giá trị nhỏ. Đây là sự tự nguyện của những người thừa kế nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do vậy, Di sản của ông Nguyễn Đình C, của bà Nguyễn Thị Thanh M được Hội đồng xét xử xác định:

- Đối với thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 là 1.269 m² (diện tích còn lại là 1.215,3 m² do trừ 64,4 m² hành lang lộ giới mở rộng đường QL 13 và 41,8 giải tỏa quy hoạch lòng suối chợ Lộc Ninh) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà công trình trên đất (nhà, cây trồng, hiện bà Nguyễn Thị Phụng, chị Nguyễn Thị Yến L đang sinh sống, quản lý), tọa lạc tại Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M được xác định như sau:

+ Phần di sản của ông Nguyễn Đình C được xác định trong thửa đất này là: Phần đất có diện tích 728,3 m² bao gồm: 125,8 m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m² hành lang bảo vệ đường bộ, 242,6 m² hành lang bảo vệ suối, có chiều ngang mặt đường là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến suối (theo sơ đồ kèm theo). Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 98,56 m² (giá trị sử dụng còn lại là 50%); 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 07 m² (giá trị còn lại là 40%); chuồng trại diện tích 8 m², sân bê tông 198,24 m², cây cảnh, tường rào...

+ Phần di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M được xác định trong thửa đất này là: Phần đất còn lại có diện tích 487 m² bao gồm: 125,9 m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m² hành lang bảo vệ đường bộ, có chiều ngang mặt đường là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến tiếp giáp phần di sản được chia cho ông Nguyễn Đình C (theo sơ đồ kèm theo). Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có

diện tích 51,75 m² (giá trị sử dụng còn lại là 60%); một số cây ăn trái (các đương sự không yêu cầu xác định giá trị)...

- Đối với thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSĐĐ/BP ngày 01/01/1999 là 3.939 m² (sau khi đo đạc thực tế còn 3.272,7 m²) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (cây xà cừ), di sản của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M được xác định như sau:

+ Phần di sản của ông Nguyễn Đình C được xác định trong thửa đất này là: Phần đất có diện tích 1.636,35 m² (có 100 m² đất thổ cư) nằm ở phía Nam thửa đất, tiếp giáp đất ông Trần Công Hiến, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m (có sơ đồ kèm theo); Trên đất có trồng 17 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

+ Phần di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M được xác định trong thửa đất này là: Phần đất có diện tích 1.636,35 m² (có 100 m² đất thổ cư) nằm ở phía Bắc thửa đất, tiếp giáp đất ông Nguyễn Hữu Phúc, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m (có sơ đồ kèm theo). Trên đất có trồng 38 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

- Đối với thửa đất có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSĐĐ/BP ngày 22/02/2000 là 20.556m² tọa lạc tại ấp 6 Lộc Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước (qua đo đạc lại thì thực tế thửa đất này có diện tích 21.552,5 m²). Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh V thông qua người đại diện của mình đề nghị khi xác định chia di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M trên thửa đất này là phần đất do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M quản lý hoặc là phần đất do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang quản lý đều được để tạo điều kiện thuận lợi cho người được hưởng di sản thỏa thuận với người đang quản lý đất việc bồi hoàn giá trị tài sản trên đất trong trường hợp Tòa án không công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M với ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M.

Như đã nhận định ở trên, do phần đất này hiện do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M sử dụng là 8.435,1 m², ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B sử dụng là 13.087,4 m²; được xác định là di sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Đình C để lại. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thỏa thuận bồi hoàn giá trị tài sản trên đất theo yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định di sản được chia như sau:

+ Phần di sản của ông Nguyễn Đình C được xác định trong thửa đất này là: Phần đất có tổng diện tích 13.087,4 m² (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m² và 8.214,2 m²) do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng (có sơ đồ kèm theo)

+ Phần di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M được xác định trong thừa đất này là: Phần đất có diện tích 8.435,1 m² do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

2. Chia di sản cho những người thừa kế theo pháp luật:

2.1. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C:

Như đã nhận định ở trên, bà Nguyễn Thị L (vợ), chị Nguyễn Thị Yên L (con ruột) được xác định là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình C; bà Nguyễn Thị L hiện cư trú tại thôn Lạt Hà, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; chị Nguyễn Thị Yên L từ năm 2000 đến nay chung sống với ông Nguyễn Đình C, sau khi ông Nguyễn Đình C chết năm 2006 thì chị Nguyễn Thị Yên L tiếp tục sinh sống tại nhà của ông Nguyễn Đình C ở Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Để không làm xáo trộn cuộc sống của chị Nguyễn Thị Yên L sau khi chia di sản của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M, Hội đồng xét xử chia di sản của ông Nguyễn Đình C như sau:

- **Chị Nguyễn Thị Yên L được thừa kế:** Phần đất có diện tích 728,3 m² (trong đó có 125,8 m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m² hành lang bảo vệ đường bộ, 242,6 m² hành lang bảo vệ suối, có chiều ngang mặt đường là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến suối (theo sơ đồ kèm theo), trị giá quyền sử dụng đất được chia là 1.380.000.000 đồng (300.000.000 đồng/01 m ngang mặt đường Quốc lộ 13). Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 98,56 m² (giá trị sử dụng còn lại là 50%) trị giá 118.272.000 đồng; 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 07 m² (giá trị còn lại là 40%) trị giá 5.320.000 đồng; chuồng trại diện tích 8 m², sân bê tông 198,24 m², cây cảnh, tường rào, (không xác định giá do tại phiên tòa các đương sự không xác định là di sản để phân chia)..

Giá trị di sản chị Nguyễn Thị Yên L được chia là 1.503.592.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L được thừa kế:

+ Phần đất có diện tích 1.636,35 m² nằm ở phía Nam thửa đất số T1/14 tờ bản đồ số 18 xã Lộc Hưng, tiếp giáp đất ông Trần Công Hiền, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m (có sơ đồ kèm theo); Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Giá trị quyền sử dụng đất là 727.500.000 đồng; Trên đất có 17 cây xà cừ trị giá 17.000.000 đồng.

+ Phần đất có diện tích 13.087,4 m² (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m² và 8.214,2 m² do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, giá trị quyền sử dụng đất là 274.669.440 đồng.

Đồng thời giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất (là nhà tạm và cây trồng) gồm: 61 cây tuổi trồng 06 năm tuổi, 108 nọc

tiêu 05 năm tuổi, 205 nọc tiêu 03 năm, 75 nọc tiêu 04 năm tuổi, 108 nọc tiêu 02 năm tuổi, 64 nọc tiêu 01 năm tuổi, 20 khóm thơm, 01 cây dứa, 01 cây Lekima, 01 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây mận, 05 cây mít, 02 cây măng cầu, 01 cây sori, 02 cây cau, 02 cây chôm chôm, 04 cây chè xanh, 01 cây sapoche, 34 cây chuối, 02 cây đu đủ, 01 cây lựu, 01 cây đinh lăng, 02 khóm trầu, 02 bụi thanh long; 01 căn nhà tạm loại 1 diện tích 95,25 m² giá trị sử dụng còn lại 60%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 35,72 m² có giá trị sử dụng là 30%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 43,12 m² giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 nhà tắm diện tích 5,7 m² có giá trị sử dụng còn lại 85%, 01 bể nước thể tích 2,64 m³, 01 sân bê tông diện tích 76,3 m², mái hiên diện tích 16,58 m², 01 bể tưới thể tích 26,25 m³, 01 nhà vệ sinh 4 m², 01 hầm tự hoại 7,2 m³ giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 giếng đào sâu 19m (trên thửa đất 4.873,2 m² và 70 cây chuối trên thửa đất 8.214,2 m² có tổng giá trị là 169.445.650 đồng.

Tuy nhiên, phần tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên diện tích đất 13.087,4 m² do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B tạo dựng nên, xét cần buộc bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B số tiền 169.445.650 đồng là phù hợp.

Tổng giá trị di sản bà Nguyễn Thị L được chia sau khi trừ số tiền hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B là 1.019.169.440 đồng.

Do giá trị tài sản chia bằng quyền sử dụng đất được chia cho bà Nguyễn Thị L là ít hơn so với phần di sản được chia cho chị Nguyễn Thị Yến L nên chị Nguyễn Thị Yến L hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền chênh lệch là 242.211.000 đồng.

2.2. Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thanh M:

Như đã nhận định ở trên, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh M. Trước đây và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T thông qua người đại diện của mình yêu cầu được chia phần di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M cho bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng, sở hữu chung chứ không Nguyễn Đình Ca riêng lẻ cho từng người. Xét yêu cầu này là chính đáng nên được chấp nhận, giao toàn bộ di sản của bà Nguyễn Thị Thanh M để lại như đã xác định tại mục 1 Phần [6] nêu trên cho bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu, sử dụng chung. Tổng giá trị di sản bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T hưởng thừa kế là 2.743.177.320 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T thông qua người đại diện của mình đồng ý hỗ trợ tiền công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M số

tiền tương đương giá trị 1.000 m². Xét đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T nên cần ghi nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M số tiền 29.250.000 đồng trị giá 130 cây điều trồng năm 2003 và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m² quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m² nói trên.

[7] ĐỐI VỚI QUAN HỆ MƯỢN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIỮA ÔNG TRẦN VŨ M VÀ BÀ NGUYỄN THỊ PH:

Do khối di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên thửa đất có diện tích là 1.269 m² (diện tích còn lại là 1.215,3 m²) tọa lạc tại Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đã được chia cho chị Nguyễn Thị Yên L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T. Quá trình mượn đất và nhà, ông Trần Vũ M đã xây dựng trên đất các căn nhà tiền chế có tổng diện tích 178,23 m² để kinh doanh. Quá trình thu thập chứng cứ, ông Trần Vũ M tự nguyện di dời nhà tiền chế để trả lại đất và nhà cho người được hưởng di sản trong thời hạn từ 03 đến 06 tháng, không yêu cầu hỗ trợ di dời. Xét đây là sự tự nguyện của ông Trần Vũ M nên cần ghi nhận, buộc ông Trần Vũ M phải di dời các nhà tiền chế đã xây dựng trên thửa đất 1.269 m² tọa lạc tại Kp Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để trả lại đất cho người được hưởng di sản trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L thông qua người đại diện đã rút yêu cầu về phân chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Đình C trước khi chia di sản thừa kế; đại diện cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T tự nguyện rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tiền thuê đất giữa ông Trần Vũ M, bà Nguyễn Thị Phương mỗi tháng 4.000.000 đồng (từ năm 2009 đến nay) là di sản thừa kế. Xét đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T nên được chấp nhận, cần áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T đã rút tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với phần đất có diện tích 85,1 m² ông Nguyễn Văn D sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02715 ngày 08/6/2009 các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do di sản để lại là quyền sử dụng đất, các bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề chi phí quản lý di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản thừa kế từ năm 2009 đến nay và tiền thu được từ hợp đồng thuê đất giữa ông Nguyễn Đình C và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các tài sản khác như xe máy, Tivi, đầu DVD...được nêu trong di chúc ngày 07/10/2005 của ông Nguyễn Đình C các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Lê Thành Tr, UBND huyện LN không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chi phí tố tụng: Các đương sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ lập sơ đồ, định giá tài sản), không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Phụng, chị Nguyễn Thị Yên L và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phụng, chị Nguyễn Thị Yên L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn thị Phụng, chị Nguyễn Thị Yên L.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Yên L được hưởng di sản thừa kế với giá trị là 1.261.380.720 đồng nên chị Nguyễn Thị Yên L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $36.000.000 \text{ đồng} + (461.380.720 \text{ đồng} \times 3\%) = 49.841.421 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị L được hưởng di sản thừa kế với giá trị là 1.261.380.720 đồng nên bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $36.000.000 \text{ đồng} + (461.380.720 \text{ đồng} \times 3\%) = 49.841.421 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được hưởng chung khối tài sản có tổng giá trị là 2.743.177.320 đồng (tương đương mỗi người là 914.392.440 đồng) nên bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là $36.000.000 \text{ đồng} + (114.392.440 \text{ đồng} \times 3\%) = 39.431.773 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu độc lập của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M không được chấp nhận với giá trị thừa đất là 161.953.920 đồng nên phải chịu án phí là $161.953.920 \text{ đồng} \times 5\% = 8.097.696 \text{ đồng}$. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M có đơn xin miễn giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn, là đối tượng chính sách được chính quyền địa phương xác nhận nên xét cần miễn cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M 50% án phí phải nộp, số tiền

án phí còn lại ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phải liên đới nộp là 4.048.848 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 17, Điều 31 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 136 Luật đất đai năm 2003

Căn cứ Điều 217, 222, 223, 652, 675, 676, 679 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 14, 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Đình C; tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Đình C là vợ chồng;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T.

Tuyên bố di chúc của ông Nguyễn Đình C lập ngày 07/10/2005 là không hợp pháp, trừ phần 4 của di chúc định đoạt di sản cho ông Nguyễn Văn D là có hiệu lực pháp luật.

Xác định bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình C; bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Nguyễn Thị Thanh M.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phượng, chị Nguyễn Thị Yến L về việc đề nghị xác định chị Nguyễn Thị Yến L là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thanh M.

3. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M:

**** Bà Nguyễn Thị L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình C, gồm các tài sản sau:***

- Phần đất có diện tích 1.636,35 m² (có 100 m² đất thổ cư) nằm ở phía Nam thửa đất số T1/14 tờ bản đồ số 18 xã Lộc Hưng, tiếp giáp đất ông Trần Công Hiến, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSDĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Trên đất có 17 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

- Phần đất có diện tích 13.087,4 m² (trong đó gồm 02 thửa có diện tích là 4.873,2 m² và 8.214,2 m² do ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B đang quản lý, sử dụng) tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSĐĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Đồng thời, bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (là nhà tạm và cây trồng) gồm: 61 cây tuổi trồng 06 năm tuổi, 108 nọc tiêu 05 năm tuổi, 205 nọc tiêu 03 năm, 75 nọc tiêu 04 năm tuổi, 108 nọc tiêu 02 năm tuổi, 64 nọc tiêu 01 năm tuổi, 20 khóm thom, 01 cây dừa, 01 cây Lekima, 01 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây mận, 05 cây mít, 02 cây măng cầu, 01 cây sori, 02 cây cau, 02 cây chôm chôm, 04 cây chè xanh, 01 cây sapoche, 34 cây chuối, 02 cây đu đủ, 01 cây lựu, 01 cây đinh lăng, 02 khóm trầu, 02 bụi thanh long; 01 căn nhà tạm loại 1 diện tích 95,25 m² giá trị sử dụng còn lại 60%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 35,72 m² có giá trị sử dụng là 30%; 01 căn nhà tạm loại 3 có diện tích 43,12 m² giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 nhà tắm diện tích 5,7 m² có giá trị sử dụng còn lại 85%, 01 bể nước thể tích 2,64 m³, 01 sân bê tông diện tích 76,3 m², mái hiên diện tích 16,58 m², 01 bể tưới thể tích 26,25 m³, 01 nhà vệ sinh 4 m², 01 hầm tự hoại 7,2 m³ giá trị sử dụng còn lại 30%, 01 giếng đào sâu 19m trên thửa đất 4.873,2 m² và 70 cây chuối trên thửa đất 8.214,2 m².

Bà Nguyễn Thị L được quyền nhận từ chị Nguyễn Thị Yên L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế

Buộc bà Nguyễn Thị L hoàn lại số tiền 169.445.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m² cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B.

Giá trị tài sản bà Nguyễn Thị L được thừa kế là 1.261.380.000 đồng.

*** Chị Nguyễn Thị Yên L được thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình C, gồm các tài sản sau:**

Phần đất có diện tích 728,3 m², trong đó có 125,8 m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m² hành lang bảo vệ đường bộ, 242,6 m² hành lang bảo vệ suối, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến suối, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh M. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 98,56 m² (giá trị sử dụng còn lại là 50%); 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 07 m² (giá trị còn lại là 40%); chuồng trại diện tích 8 m², sân bê tông 198,24 m², cây cảnh, tường rào...

Buộc chị Nguyễn Thị Yên L phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 240.211.280 đồng chênh lệch khi chia di sản thừa kế.

Giá trị di sản chị Nguyễn Thị Yên L được chia là 1.261.380.720 đồng.

*** Bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được hưởng thừa kế chung tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh M, gồm các tài sản sau:**

+ Phần đất có diện tích 487 m² tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D bao gồm: 125,9 m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài, 4,6 m² hành lang bảo vệ đường bộ, có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 4,6 m, chiều sâu tính từ QL13 kéo dài đến tiếp giáp phần di sản được chia cho ông Nguyễn Đình C, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02714 ngày 08/6/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh M. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 có diện tích 51,75 m² (giá trị sử dụng còn lại là 60%); một số cây ăn trái ...

+ Phần đất có diện tích 1.636,35 m² (có 100 m² đất thổ cư) nằm ở phía Bắc thửa đất, tiếp giáp đất ông Nguyễn Hữu Phúc, chiều ngang mặt đường Quốc lộ 13 là 9,7 m, chiều ngang tiếp giáp đất quân đội là 8,9 m, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12/QSĐĐ/BP ngày 01/01/1999 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Trên đất có 38 cây xà cừ đường kính trung bình 50cm.

+ Phần đất có diện tích 8.435,1 m² do ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSĐĐ/BP ngày 22/02/2000 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu chung tài sản trên đất là 130 cây điều trồng năm 2003.

+ Số tiền tiết kiệm là 180.000.000 đồng (theo 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số NA 4147696 ngày 25/8/2008, NA 4608877 ngày 25/02/2009 gửi tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Lộc Ninh) đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh M và 201.138.400 đồng tiền lãi phát sinh từ 02 tài khoản tiết kiệm nêu trên tính đến ngày 13/11/2017.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn lại cho ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m² quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m² nói trên.

Tổng giá trị tài sản thừa kế bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T được thừa kế chung là 2.743.177.320 đồng.

4. Giải quyết các yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bác yêu cầu độc lập của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M về việc đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh M; bác yêu cầu của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M đề nghị Tòa án công nhận

phần đất có diện tích 8.435,1 m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M.

Ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M được quyền nhận từ bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T số tiền 29.250.000 đồng là giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và 19.200.000 đồng (giá trị 1.000 m² quyền sử dụng đất) tiền hỗ trợ công khai phá, hình thành tài sản trên thửa đất 8.435,1 m² nói trên.

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Thị B phải trả lại phần đất có tổng diện tích 13.087,4 m² cho bà Nguyễn Thị L và nhận số tiền 169.446.650 đồng là giá trị tài sản trên phần đất 13.087,4 m² được chia cho bà Nguyễn Thị L.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Vũ M phải tháo dỡ, di dời các nhà tiền chế được xây dựng trên phần đất được chia thừa kế cho chị Nguyễn Thị Yến L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị xác định tiền thuê đất 4.000.000 đồng/tháng (tính từ 2009 đến nay bà Nguyễn Thị Phượng nhận từ ông Trần Vũ M) là di sản thừa kế.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: (CẤP PHỤC THẨM SỬA PHẦN ÁN PHÍ)

- Bà Nguyễn Thị L phải nộp là 49.841.421 đồng, được khấu trừ số tiền án phí đã nộp là 9.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004437 quyển số 0089 ngày 21/02/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp là 49.841.421 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp là 39.431.773 đồng; được khấu trừ cho ông Nguyễn Văn T số tiền án phí đã nộp là 8.15.000 đồng theo biên lai thu tiền số 013796 ngày 03/01/2014; được khấu trừ cho bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.940.500 đồng theo biên lai thu tiền số 012764 quyển số 0256 ngày 16/7/2013; được khấu trừ cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.940.500 đồng theo biên lai thu tiền số 012765 quyển số 0256 ngày 16/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M phải liên đới nộp là 4.048.848 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013756, quyển số 0276 ngày 04/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi theo

mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Quang Th, bà Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Phượng, chị Nguyễn Thị Yến L, ông Trần Vũ M, ông Lê Thành Tr, bà Phạm Thị B đại diện hợp pháp UBND huyện LN có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung